

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I năm 2025 và một số nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Kính gửi: Bộ Nội vụ.

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ theo yêu cầu của Bộ Nội vụ tại Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21 tháng 02 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I năm 2025 và một số nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Về triển khai kế hoạch cải cách hành chính

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Quyết định số 757/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2025 và bố trí kinh phí để các đơn vị triển khai thực hiện. Công tác chỉ đạo, đôn đốc triển khai được thực hiện thường xuyên. Các cơ quan, đơn vị bám sát và thực hiện đảm bảo tiến độ các nhiệm vụ được phân công.

2. Về ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC

Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành¹ về CCHC trên từng lĩnh vực đảm bảo tiến độ,

¹ Về cải cách hành chính: Kế hoạch số 4772/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 về triển khai công tác pháp chế, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 về việc phê duyệt kết quả Chỉ số CCHC năm 2024 của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 về việc hợp nhất Ban Chỉ đạo CCHC, Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số và Tổ Công tác triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 thành Ban Chỉ đạo CCHC, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 534/KH-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 về tuyên truyền công tác CCHC nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025; Báo cáo số 548/BC-BCĐ ngày 20 tháng 2 năm 2025 về kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2025 về ban hành Bộ Chỉ số CCHC các sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 647/KH-BCĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 648/KH-BCĐ ngày 28 tháng 2 năm 2025 về triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025...

Về kiểm soát thủ tục hành chính; triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2025 về ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính trọng tâm năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 647/KH-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Công văn số 4669/UBND-TTHCC ngày

chất lượng, hiệu quả.

3. Về kiểm tra CCHC

- *Về kiểm tra theo kế hoạch*: theo Kế hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm tra trên địa bàn tỉnh trong quý II năm 2025.

- *Về kiểm tra đột xuất*: Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Kết luận số 1883-KL/TU ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, giao Sở Nội vụ kiểm tra đột xuất công tác cải cách hành chính, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Sở Nội vụ đã ban hành văn bản triển khai², theo đó, trong quý I năm 2025 đã tiến hành kiểm tra đột xuất tại 08 đơn vị³. Qua kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã kịp thời phát hiện, đề nghị cơ quan có thẩm quyền chấn chỉnh, khắc phục các hạn chế, yếu kém trong quá trình triển khai công tác cải cách hành chính và chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

Nhằm thông tin, tuyên truyền kịp thời, đầy đủ các nội dung về công tác CCHC trong giai đoạn mới đến cán bộ, công chức, viên chức, các tổ chức, doanh nghiệp, các tầng lớp Nhân dân, tạo chuyển biến tích cực, mạnh mẽ về tinh thần, thái độ làm việc, ý thức trách nhiệm phục vụ Nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp; không sách nhiễu, gây phiền hà trong giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời tạo sự quan tâm, góp ý và giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trong quá trình thực thi công vụ; chú trọng công tác biểu dương, nêu gương các tổ chức, cá nhân làm tốt công tác CCHC, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã ban hành Kế hoạch số 534/KH-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 về tuyên truyền công tác CCHC nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025 với các nội dung chính:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về thực hiện các nhiệm vụ CCHC, góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân, tổ chức, doanh nghiệp biết, thực hiện.

25 tháng 12 năm 2024 về việc triển khai thực hiện Công điện số 131/CD-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 4694/UBND-TTHCC ngày 26 tháng 12 năm 2024 về chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu cung cấp bản sao chứng thực từ bản chính khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh; Công văn số 65/UBND-TTHCC ngày 07 tháng 01 năm 2025 về việc thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đến hết năm 2025; Công văn số 379/UBND-TTHCC ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc đánh giá tác động chính sách, TTHC trong đề nghị, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; Công văn số 526/UBND-TTHCC ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc đảm bảo các hệ thống thông tin hoạt động thông suốt khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy; Công văn số 646/UBND-TTHCC ngày 28 tháng 02 năm 2025 về triển khai thực hiện Công văn số 219/TTg-KSTT của Thủ tướng Chính phủ,...

² Kế hoạch số 03/KH-SNV ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Sở Nội vụ về kiểm tra công vụ, kiểm tra đột xuất công tác cải cách hành chính và việc chấp hành Quy chế văn hóa công sở, kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025; Quyết định số 231/QĐ-SNV ngày 07 tháng 3 năm 2025 thành lập Đoàn Kiểm tra công vụ, kiểm tra đột xuất công tác CCHC và việc chấp hành Quy chế văn hóa công sở, kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025.

³ Cụ thể: Thành phố Kon Tum có 01 đơn vị: Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng; Huyện Ngọc Hồi có 02 đơn vị: Ủy ban nhân dân thị trấn Plei Kần và Ủy ban nhân dân xã Đăk Xú; Huyện Đăk Tô có 02 đơn vị: Ủy ban nhân dân thị trấn Đăk Tô và Ủy ban nhân dân xã Diên Bình; Huyện Đăk Hà có 03 đơn vị: Ủy ban nhân dân thị trấn Đăk Hà, Ủy ban nhân dân xã Đăk Long và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đăk Hà.

- Tổ chức các Lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác CCHC các cấp.

- Tổ chức thực hiện tốt Hội nghị “Đối thoại doanh nghiệp” để lắng nghe, tiếp nhận các đề xuất, sáng kiến CCHC và những phản ánh, kiến nghị, giải quyết những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, doanh nhân.

- Tổ chức Tọa đàm về công tác CCHC.

- Học tập kinh nghiệm công tác CCHC, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 tại một số địa phương (*trong đó có nội dung tuyên truyền để triển khai thực hiện tại tỉnh để sử dụng hiệu quả các kênh thông tin thông xã hội, truyền thông đại chúng, truyền thông cá nhân*); phát hành tờ gấp và các trailer tuyên truyền trên màn hình điện tử liên quan đến CCHC, phù hợp với từng mục tiêu, yêu cầu, nội dung tuyên truyền và phổ biến đến từng nhóm đối tượng.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về tiện ích việc gửi và nhận trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Hiện nay, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đang triển khai các nhiệm vụ theo tiến độ Kế hoạch đã đề ra. Sở Nội vụ đã xây dựng kênh Zalo Official Account tuyên truyền về CCHC tỉnh Kon Tum (Zalo OA) trên nền tảng mạng xã hội Zalo nhằm tăng cường công tác thông tin, truyền thông công tác CCHC, các văn bản, chính sách thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Nội vụ đảm bảo kịp thời, đúng định hướng, tạo điều kiện tiếp cận thông tin, trao đổi, thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị và xã hội đối với các hoạt động thuộc chức năng quản lý nhà nước của ngành Nội vụ. Đồng thời xây dựng Form khảo sát trực tuyến về sự hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (*tại Văn bản số 733/SNV-HCTH ngày 14 tháng 3 năm 2025 về triển khai thực hiện một số nội dung tuyên truyền theo kế hoạch số 534/KH-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

5. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại địa phương: Trong quý I năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu thực hiện công tác tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC tỉnh Kon Tum năm 2024 đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần được phân công, theo dõi phụ trách (*1.5. Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC*) và hoàn thành việc nhập dữ liệu tự đánh giá lên hệ thống phần mềm Par Index của Bộ Nội vụ, kết quả đã lựa chọn 05 sáng kiến đem lại hiệu quả trong CCHC để đề xuất Bộ Nội vụ chấm điểm⁴.

Sở Khoa học và Công nghệ hiện đang tổng hợp, tham mưu trình Hội đồng sáng kiến tỉnh xét, đề nghị công nhận (*dự kiến tổ chức họp Hội đồng đầu tháng 4 năm 2025*) đối với 24 hồ sơ sáng kiến cấp tỉnh đợt 2 năm 2024 và 05 hồ sơ xét, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng đợt 1 năm 2025. Vì vậy chưa có

⁴ Công văn số 194/SKHCN-QLCN ngày 22 tháng 02 năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc rà soát, điều chỉnh tài liệu kiểm chứng xác định Chỉ số CCHC tỉnh Kon Tum năm 2024.

cơ sở để đánh giá những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC thực hiện thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại địa phương trong năm 2025.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

a) Kết quả xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Trong quý I năm 2025, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh đã tổ chức soạn thảo, ban hành theo thẩm quyền 38 văn bản QPPL. Trong đó: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 29 văn bản (*gồm 01 Nghị quyết và 28 Quyết định*); Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành 09 văn bản (*gồm 0 Nghị quyết và 09 Quyết định*); Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành 0 văn bản (*gồm 0 Nghị quyết và 0 Quyết định*). Các văn bản đã được xây dựng, ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

Chỉ đạo Sở Tư pháp tiến hành thẩm định tiến hành thẩm định 30 dự thảo văn bản QPPL (*01 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và 29 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh*); thẩm định 01 đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; tham gia ý kiến đối với 10 dự thảo văn bản văn bản QPPL (*02 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và 08 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh*); tham gia ý kiến đối với 21 đề nghị xây dựng văn bản QPPL.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Kế hoạch số 337/KH-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 622/UBND-NC ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2025 trên địa bàn tỉnh; văn bản triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2025.

- Chỉ đạo Sở Tư pháp thực hiện các nội dung về công tác theo dõi thi hành pháp luật, như: triển khai công tác theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2025 trên địa bàn tỉnh⁵; Kế hoạch về theo dõi tình

⁵ Văn bản số 391/STP-TTr ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Sở Tư pháp.

hình thi hành pháp luật năm 2025 của Sở Tư pháp⁶.

c) Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Kế hoạch số 283/KH-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2025; Văn bản số 282/UBND-NC ngày 23 tháng 01 năm 2025 về truyền thông, phổ biến các Luật, Nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 8; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật dịp Tết Ất Tỵ 2025 và một số vấn đề dư luận quan tâm; Báo cáo số 67/BC-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2025 về kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh ban hành: Kế hoạch số 722/KH-HĐPH ngày 07 tháng 3 năm 2025 về hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Kon Tum năm 2025.

- Chỉ đạo Sở Tư pháp ban hành văn bản hướng dẫn các ngành, địa phương phổ biến, giáo dục pháp luật theo định kỳ hàng quý⁷. Bên cạnh đó, lồng ghép phổ biến các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về CCHC bằng nhiều hình thức, như: tóm tắt dưới dạng tin, bài viết... trên Trang Thông tin điện tử của Sở và Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh; lồng ghép trong biên soạn, phát hành 02 số Thông tin phổ biến pháp luật (2.200 cuốn), 01 số Tập san Tư pháp (700 cuốn), góp phần nâng cao kiến thức, sự hiểu biết của người đọc về pháp luật nói chung và về công tác CCHC nói riêng.

d) Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL

** Công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL:*

Công tác tự kiểm tra: đã tự kiểm tra 28 văn bản; qua kiểm tra chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

Kiểm tra theo thẩm quyền: tiến hành kiểm tra 09 văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân cấp huyện ban hành. Qua kiểm tra chưa phát hiện văn bản trái pháp luật.

Kiểm tra theo chuyên đề, địa bàn, lĩnh vực:

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Kế hoạch số 4772/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 về triển khai công tác pháp chế; kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2025 về bổ sung kết quả soạn thảo, ban hành, kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024 (số liệu tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024); Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2025 về kết quả xử lý các văn bản QPPL theo kết luận của Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp.

⁶ Kế hoạch số 26/KH-STP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Sở Tư pháp.

⁷ Văn bản số 218/STP-XDKTr&PBPL ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Sở Tư pháp về việc hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý I năm 2025.

- Tự kiểm tra, rà soát văn bản QPPL liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; liên quan đến quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức phục vụ mục tiêu phát triển nguồn nhân lực; liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ⁸.

** Rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL:*

Rà soát thường xuyên: số văn bản đã được rà soát 29 văn bản; trong đó: số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới 07 văn bản; số văn bản đã được xử lý sau rà soát 07 văn bản.

Rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn:

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Văn bản về việc gửi kết quả rà soát văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy của các Bộ, ngành, cơ quan ở Trung ương⁹; văn bản về việc rà soát các văn bản pháp luật về ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh¹⁰.

- Rà soát các văn bản QPPL do cơ quan, người có thẩm quyền ở Trung ương ban hành có liên quan đến các quy định có tính chất hạn chế quyền và quy định có vướng mắc, bất cập trong thực hiện chuyển đổi xanh, chuyển đổi số trong hệ thống văn bản QPPL¹¹.

- Chỉ đạo Sở Tư pháp ban hành văn bản hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật dự kiến cần sửa đổi, bổ sung theo định sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013¹².

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo việc tổ chức rà soát công bố danh mục văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2024¹³, kiểm tra kết quả rà soát¹⁴. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2024 tại Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025. Trong năm 2024, có 139 văn bản hết hiệu lực toàn bộ (gồm 34 Nghị quyết; 93 Quyết định; 12 Chỉ thị); 03 văn bản hết hiệu lực toàn bộ thuộc đối tượng của các kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố (gồm 02 Nghị quyết; 01 Quyết định); 34 văn bản hết hiệu lực một phần trong năm 2024 (gồm 15 Nghị quyết; 19 Quyết định).

- Việc rà soát văn bản, cập nhật văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật được triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc

⁸ Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁹ Báo cáo số 08/BC-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

¹⁰ Công văn số 491/UBND-NC ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

¹¹ Báo cáo số 47/BC-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

¹² Công văn số 467/STP-XDKTr&PBPL ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Sở Tư pháp.

¹³ Công văn số 2551/STP-XDKTr&PBPL ngày 02 tháng 12 năm 2024; Công văn số 52/STP-XDKTr&PBPL ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Sở Tư pháp.

¹⁴ Tờ trình số 11/TTr-STP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Sở Tư pháp.

gia về pháp luật. Các văn bản QPPL sau khi được ký ban hành đều được cập nhật kịp thời vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; việc đăng tải, cập nhật hiệu lực của văn bản đã được thực hiện theo đúng quy định. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp tiến hành thu thập, cập nhật 1.407 văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành (*gồm Nghị quyết: 384 văn bản; Quyết định: 991 văn bản; Chỉ thị: 32 văn bản*).

2. Công tác cải cách thủ tục hành chính

a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC)

- Đã tham mưu ban hành Kế hoạch rà soát TTHC định kỳ năm 2025 trên địa bàn tỉnh tại Kế hoạch số 647/KH-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025.

Trong đó, đã xác định rà soát các TTHC ở tất cả các lĩnh vực đang áp dụng trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung rà soát các TTHC, nhóm TTHC, quy định hành chính liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh, các loại giấy phép, các TTHC có nhiều vướng mắc, bất cập, rườm rà, chồng chéo trong quá trình giải quyết liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; các TTHC, nhóm TTHC có nhiều phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức trong thực hiện. Kiến nghị các sáng kiến cải cách, phương án đơn giản hóa TTHC nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ cho cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện TTHC.

- Đối với kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ: đến nay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã công bố đối với 462 TTHC nội bộ thực hiện trên địa bàn tỉnh; phê duyệt Phương án đơn giản hóa đối với 68 TTHC nội bộ trên địa bàn tỉnh, trong đó đã có 07 TTHC thực thi xong phương án đơn giản hóa.

b) Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương

Trong quý I năm 2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 32 Quyết định công bố danh mục TTHC ban hành mới; sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh.

Tổng số TTHC trên địa bàn toàn tỉnh hiện nay là 1.783 TTHC (*trong đó, cấp tỉnh 1.407 thủ tục, cấp huyện 233 thủ tục, cấp xã 106 thủ tục, 37 thủ tục chung 2 cấp và 3 cấp*).

Số lượng TTHC của cơ quan ngành dọc: 533 TTHC (*Trong đó, cấp tỉnh: 276 TTHC; cấp huyện: 148 TTHC; cấp xã: 62 TTHC; chung 2 cấp tỉnh, huyện: 47*).

c) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa các cấp

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận một cửa các cấp tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa các cấp cơ bản đáp ứng yêu cầu tối thiểu trong tiếp nhận, số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC.

+ Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế thuê dịch vụ bưu chính công ích để thực hiện công tác hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả. Một số đơn vị cấp huyện tiếp tục thực hiện việc thuê dịch vụ bưu chính công ích để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa cấp huyện như: thành phố Kon Tum, huyện Ngọc Hồi, huyện Kon Plông, huyện Đắk Hà.

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: trong quý I năm 2025, các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tiếp tục đẩy mạnh thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, trong đó toàn tỉnh đạt tỷ lệ 78,93%, tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt 80,32%; tỷ lệ khai thác sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 25,36%.

- Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại các cấp chính quyền ở địa phương: Trong quý I năm 2025, toàn tỉnh tiếp nhận 50.533 hồ sơ thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (*trong đó, 15.686 hồ sơ trực tuyến; 29.007 hồ sơ trực tiếp và bưu chính công ích; 5.840 hồ sơ từ kỳ trước chuyển sang*); đã giải quyết 44.634 hồ sơ, trong đó 43.682 hồ sơ đúng hạn và sớm hạn (*đạt tỷ lệ 97,87%*); 952 hồ sơ quá hạn (*chủ yếu do thao tác luân chuyển hồ sơ trên hệ thống không kịp thời*); 5.899 hồ sơ đang giải quyết.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: trong quý I năm 2025, toàn tỉnh tiếp nhận 03 phản ánh kiến nghị về quy định hành chính trên Cổng dịch vụ công Quốc gia; đã xử lý, trả lời 02 phản ánh kiến nghị; 01 phản ánh kiến nghị đang xử lý.

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: tiếp tục thực hiện đánh giá chất lượng giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử. Việc công khai kết quả thực hiện Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực đã được Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện định kỳ hàng tháng, đồng thời công khai kết quả thực hiện Bộ chỉ số trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh; lãnh đạo các sở, ban ngành, lãnh đạo cấp huyện, cấp xã và chuyên viên theo dõi tình hình giải quyết TTHC đều được cấp tài khoản theo dõi Bộ chỉ số trên trang quản trị của Cổng Dịch vụ công quốc gia.

d) Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

+ Đến nay, tỉnh Kon Tum đã cung cấp 1.099 dịch vụ công toàn trình, 340 dịch vụ công trực tuyến một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia 1.439/1.783 TTHC của tỉnh.

+ Tiếp tục triển khai thực hiện danh mục 36 dịch vụ công trực tuyến tiếp nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh được giảm 50% lệ phí theo chính sách về phí và lệ phí theo Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của các Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum và danh mục 119 dịch vụ công trực tuyến tiếp nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh được cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến so với hình thức nộp hồ sơ trực tiếp.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến: trong quý I, đã tiếp nhận 50.533 hồ sơ thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, trong đó, 15.686 hồ sơ trực tuyến (*chưa bao gồm số liệu hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống của bộ ngành*), đạt tỷ lệ 31,04%.

- Vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

+ *Về đồng bộ danh mục TTHC*: danh mục TTHC thực hiện trên địa bàn tỉnh đã được công khai, chia sẻ dữ liệu và đồng bộ từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (*có mã số TTHC và nội dung chi tiết từng thủ tục tại cơ sở dữ liệu quốc gia*).

+ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Kon Tum tiếp tục thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia và 14 Hệ thống và cơ sở dữ liệu khác¹⁵.

+ *Về kết nối Nền tảng thanh toán*: tiếp tục đẩy mạnh việc sử dụng biên lai điện tử trong việc thu phí, lệ phí giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Về thanh toán trực tuyến: Các đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả việc thanh toán trực tuyến phí và lệ phí giải quyết TTHC và nghĩa vụ tài chính về đất đai. Trong quý I năm 2025, đã phát sinh 21.287 giao dịch thanh toán trực tuyến phí và lệ phí giải quyết TTHC thành công với tổng số tiền thanh toán trực tuyến 2,319 tỷ đồng; 1.108 giao dịch thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính về đất đai, với số tiền 5,505 tỷ đồng (*tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 76,36%*).

3. Công tác cải cách tổ chức bộ máy

a) Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương

¹⁵ (1) Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp); (2) Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp); (3) Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); (4) Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); (5) Hệ thống quản lý giao thông vận tải (Bộ Giao thông vận tải); (6) Hệ thống cấp phép xây dựng toàn quốc (Bộ Xây dựng); (7) Hệ thống cung cấp thông tin quy hoạch toàn quốc (Bộ Xây dựng); (8) Hệ thống Vnpost (Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam); (9) Hệ thống dịch vụ công thiết yếu (Bộ Tài nguyên và Môi trường); (10) Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến với Cổng dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội); (11) + Kết nối với Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (Bộ Thông tin và Truyền thông); (12) Kết nối, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; (13) Hệ thống phải đảm bảo các tính năng của Kho dữ liệu điện tử tổ chức, cá nhân trên Hệ thống, tích hợp chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu điện tử tổ chức cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ tạo lập, tái sử dụng tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực của người dân, doanh nghiệp; (14) Hệ thống dịch vụ công liên thông phục vụ triển khai 02 nhóm TTHC liên thông (“Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi” và “Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng, trợ cấp mai táng”).

- *Đối với các cơ quan hành chính:*

Căn cứ các Văn bản chỉ đạo của Trung ương và Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; thực hiện Thông báo số 1235/TB-TU¹⁶; Thông báo số 1220-TB/TU¹⁷ và Thông báo số 1221-TB/TU¹⁸ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Đề án số 493/ĐA-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2025 về sáp nhập, tổ chức lại, kết thúc hoạt động một số tổ chức hành chính; sắp xếp lại các tổ chức Hội, đơn vị sự nghiệp, quỹ tài chính ngoài ngân sách, các doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; theo đó, kết quả triển khai thực hiện đạt được như sau:

- Kết quả sau khi sắp xếp, tổ chức lại: tỉnh Kon Tum còn 14 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (*giảm 06 cơ quan¹⁹, đạt tỷ lệ 30%*); 137 đơn vị thuộc, trực thuộc sở ngành²⁰ (*giảm 42 đơn vị, đạt tỷ lệ 23,5%*); 05 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Theo đó, giảm 05 Giám đốc sở, giảm 31 cấp trưởng phòng và tương đương thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thành lập một số cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của 06 cơ quan²¹ mới thành lập; đồng thời, ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của 07/08 cơ quan (*trừ Thanh tra tỉnh chờ chỉ đạo của Trung ương*)²² được tổ chức lại để tinh gọn bộ máy bên trong và điều chuyển, tiếp nhận nhiệm vụ theo định hướng của Trung ương.

- *Đối với tổ chức bộ máy đơn vị sự nghiệp công lập:* sau khi sắp xếp, có 05 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó:

+ Thành lập mới 01 đơn vị: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Kon Tum trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ khởi nghiệp trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Trung tâm Khuyến công - Xúc tiến thương mại trực thuộc Sở Công Thương; Trung tâm Thông tin xúc tiến Du lịch trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Kon Tum;

+ Giữ nguyên 02 đơn vị sự nghiệp và sắp xếp bộ máy bên trong: Trường Cao đẳng Kon Tum và Ban Quản lý Vườn Quốc gia Chư Mom Ray;

¹⁶ Thông báo số 1235/TB-TU ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Đề án sáp nhập, thành lập và kết thúc hoạt động của một số cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

¹⁷ Về Đề án sáp nhập, thành lập và kết thúc hoạt động một số cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

¹⁸ Thông báo số 1221-TB/TU ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án sáp nhập, tổ chức lại, kết thúc hoạt động một số tổ chức hành chính; sắp xếp lại các tổ chức Hội, đơn vị sự nghiệp, quỹ tài chính ngoài ngân sách, các doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

¹⁹ Trong đó, có 01 cơ quan đang trình xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ quyết định (*Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh*).

²⁰ Trong đó: 80 tổ chức hành chính (*bao gồm tiếp nhận Cục Quản lý thị trường từ Bộ Công thương*), 57 đơn vị sự nghiệp (*chưa tính 02 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác; 03 đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính (đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, tự đảm bảo chi thường xuyên)*).

²¹ Các Sở: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường; Xây dựng; Khoa học và Công nghệ; Dân tộc và Tôn giáo.

²² Các Sở: Tư pháp, Ngoại vụ, Y tế, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Giữ nguyên và thực hiện đổi tên 02 Ban Quản lý - đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (*là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Nông thôn*) cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ và tình hình hoạt động hiện nay.

Ngoài ra, đã thực hiện việc sáp nhập Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh với Báo Kon Tum để thành lập Trung tâm Truyền thông tỉnh Kon Tum, là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy.

Đến nay, toàn tỉnh còn 417 đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó: 05 đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; 62 đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; 350 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (*trong đó: 30 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư; 36 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên; 351 đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên*).

b) Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

- *Về biên chế hành chính*: tổng số biên chế trong các cơ quan, tổ chức nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2025 là **1.903 biên chế**. Trong đó: các cơ quan cấp tỉnh: 1.105 biên chế; Ủy ban nhân dân huyện/thành phố: 798 biên chế²³.

- *Về số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp)*: tổng số người hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt năm 2025 là: 14.622²⁴ (*sau khi tạm điều chuyển 50 người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước Thông báo 1308-TB/TU ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*); Ủy ban nhân dân tỉnh giao và tạm giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh là 14.498; đồng thời, rút về nguồn dự phòng 124 người làm việc (*dự kiến báo cáo cấp có thẩm quyền cắt giảm theo lộ trình chung đến năm 2026*).

Việc giao biên chế công chức và số người hưởng lương từ ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật.

c) Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương: Các cơ quan chuyên môn tiếp tục rà soát các văn bản pháp luật chuyên ngành và căn cứ Đề án số 3759/ĐA-UBND, ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ động thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, thực hiện. Bên cạnh đó, tiếp tục triển khai các nội dung đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trước đây và trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khi có quy định mới của luật chuyên ngành và quy định mới của pháp luật.

²³ Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2025.

²⁴ Gồm 391 biên chế giáo viên được giao bổ sung cho năm học 2022-2023; 133 biên chế giáo viên được giao bổ sung cho năm học 2023-2024 và 149 biên chế giáo viên bổ sung cho năm học 2024-2025.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức: trong thời gian triển khai các nhiệm vụ về tổ chức lại bộ máy, các cơ quan, đơn vị tiếp tục triển khai thực Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức đã được phê duyệt.

b) Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (*thi tuyển, xét tuyển*)

- Tuyển dụng công chức: dừng triển khai thực hiện.

- Tuyển dụng viên chức: phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng giáo viên tại các sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh năm 2025.

c) Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức:

Công tác điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý theo phân cấp thực hiện đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương và Tỉnh ủy²⁵; việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm, bảo đảm quy định, phân cấp quản lý hiện hành. Trong quý I/2025, đã thực hiện quy trình và bổ nhiệm 01 trường hợp²⁶; bổ nhiệm lại 03 trường hợp²⁷.

d) Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei; phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II đối với viên chức thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách công chức đạt kết quả xét nâng ngạch công chức lên Chuyên viên và tương đương; Cán sự và tương đương khi có thành tích trong hoạt động công vụ năm 2024 - 2025 đối với 22 trường hợp²⁸.

²⁵ Quy định số 293-QĐ/TU ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tỉnh ủy Kon Tum về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Hướng dẫn số 34-HD/BCS ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với chức danh thuộc Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; Nghị định 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ về quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương các đơn vị thuộc các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

²⁶ (1) ông Nguyễn Thanh Doan, Giám đốc Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế.

²⁷ (1) ông Đinh Văn Trường, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô; (2) ông Vương Văn Tuyên, Phó Giám đốc Sở Tư pháp; (3) ông Nguyễn Văn Nam, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

²⁸ *Nâng ngạch lên Cán sự*: (1) bà Trần Thùy Trâm, Sở Khoa học và Công nghệ; (2) bà Bùi Thị Thanh Thúy, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh. *Nâng ngạch lên Chuyên viên và tương đương*: (1) bà Võ Thị Thanh Tân, Sở Y tế; (2) bà Đặng Thị Nga, Sở Thông tin và Truyền thông; (3) bà Phạm Thị Thu Hồng, Sở Tài chính; (4) ông Bành Đức Hải, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; (5) ông Lê Thanh Hùng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (6) ông Đinh Thanh Hiều, Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà; (7) ông Lê Văn Tề, Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông; (8) ông Lê Đức Thịnh, Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông; (9) ông Triệu Minh Thành, Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông; (10) ông Đào Thanh Sang, Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy; (11) ông Đặng Vĩnh Phú, Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy; (12) bà Trương Thị Mỹ Linh, Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy; (13) bà Dương Thị Mỹ Hòa, Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy; (14) bà Đặng Thị Loan, Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi; Sở Nông

đ) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương: Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính văn hóa công vụ được thực hiện thường xuyên, qua đó, kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể có thành tích tốt và những cá nhân gương mẫu trong thực hiện văn hóa công vụ; xử lý nghiêm tập thể, cá nhân vi phạm quy định văn hóa công vụ

e) Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước ở địa phương: Không.

5. Công tác cải cách tài chính công

a) Về thực hiện thu ngân sách nhà nước quý I năm 2025: trong quý I năm 2025 (*số liệu đến thời điểm 14 tháng 3 năm 2025*) thu 727.902 triệu đồng đạt 22,2% dự toán Trung ương giao, đạt 14,6% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao và bằng 82,2% so với cùng kỳ. Số thu tiền sử dụng đất từ các dự án khai thác quỹ đất Hội đồng nhân dân tỉnh giao tăng thu chưa đạt tiến độ dự toán, do thị trường bất động sản cả nước nói chung và địa bàn tỉnh Kon Tum nói riêng rất trầm lắng, mặc dù Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt nhiều biện pháp nhưng kết quả bán đấu giá đất thành công rất ít, nên số nộp phát sinh rất thấp.

b) Về thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh Kon Tum là 2.434.977 triệu đồng (*tại Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024*), địa phương đã giao, thực hiện phân bổ 3.956.954 triệu đồng, trong đó, ngân sách địa phương là 2.504.067 triệu đồng và ngân sách trung ương là 1.452.887 triệu đồng. Ước giải ngân đến ngày 31 tháng 3 năm 2025, giải ngân khoảng 562.864 triệu đồng, đạt khoảng 23,1% so với kế hoạch trung ương giao.

c) Về kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2023 và các chuyên đề lồng ghép

- Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2023 đã kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước: 392,027 triệu đồng (*tại báo cáo kiểm toán gửi kèm theo số 87/KV XII-TH ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Kiểm toán nhà nước*);

- Kết quả đã thu hồi nộp ngân sách nhà nước (*đến ngày 14 tháng 3 năm 2025*): 392,027 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%.

d) Về công tác quản lý, sử dụng tài sản công

- Triển khai Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện triển khai phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được các cấp có thẩm quyền thống nhất, phê duyệt phương án; định kỳ tổng hợp, báo cáo tình hình sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo Công văn số 994/BTC-QLCS ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài chính. Đồng thời, chỉ đạo thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy

ban nhân dân các huyện, thành phố chú trọng việc thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, bố trí sử dụng, xử lý tài sản dôi dư theo đúng quy định của pháp luật; báo cáo kê khai, lập phương án xử lý đối với nhà, đất phải sắp xếp lại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; tổ chức thực hiện xử lý theo đúng phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật²⁹.

- Thực hiện Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ³⁰ và Quyết định số 798/QĐ-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính³¹; để đảm bảo tiến độ thực hiện Đề án tổng kiểm kê, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên triển khai, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị bám sát tiến độ đề cập nhật dữ liệu kết quả tổng kiểm kê lên Phần mềm Tổng kiểm kê tài sản công và thực hiện gửi Báo cáo kết quả tổng kiểm kê trên Phần mềm Tổng kiểm kê tài sản công, hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 năm 2025³².

- Trong quý I năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Thanh tra tỉnh thành lập Đoàn thanh tra việc thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại các đơn vị: Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Ủy ban nhân dân các huyện Kon Rẫy, Sa Thầy, Đăk Hà và Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum. Hiện nay, Đoàn thanh tra vẫn đang thanh tra tại các đơn vị để hướng dẫn các đơn vị thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.

đ) Về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: Triển khai thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023-2025; đến nay, các Sở, ngành, đơn vị khối tỉnh cơ bản đã hoàn thành xây dựng phương án giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập của các lĩnh vực sự nghiệp.

- Về ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công: đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật của các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN được quy định tại Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND³³ và Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND³⁴ như sau:

+ 05 danh mục dịch vụ sự nghiệp công của lĩnh vực giáo dục³⁵ gồm : dịch vụ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông; dịch vụ giáo dục trung học phổ thông; dịch vụ giáo dục trung học cơ sở; dịch vụ giáo dục tiểu học và dịch

²⁹ Công văn số 483/UBND-KTTH ngày 14 tháng 02 năm 2025.

³⁰ Về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

³¹ Về việc ban hành kế hoạch triển khai Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

³² Công văn số 542/UBND-KTTH ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Công văn số 790/UBND-KTTH ngày 12 tháng 03 năm 2025.

³³ Ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

³⁴ Ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung một số Phụ lục quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

³⁵ Tại các Quyết định: Số 26,27,28,29,30/2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

vụ giáo dục mầm non;

+ 20 danh mục ngành nghề thuộc dịch vụ đào tạo sơ cấp nghề, đào tạo nghề dưới 3 tháng³⁶;

+ 02 danh mục dịch vụ điều dưỡng luân phiên người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Kon Tum³⁷;

+ 05 danh mục dịch vụ thuộc lĩnh vực sự nghiệp khác³⁸ làm cơ sở đặt hàng cho Trung tâm Dịch vụ Hành chính - Hội nghị thực hiện;

+ 05 danh mục thuộc lĩnh vực việc làm³⁹ để đặt hàng cho Trung tâm Dịch vụ việc làm thực hiện;

+ 01 định mức kinh tế- kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi⁴⁰;

+ 07 danh mục thuộc lĩnh vực hoạt động kinh tế công thương⁴¹;

+ 02 danh mục dịch vụ sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum⁴²;

+ 40 danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum⁴³;

+ 07 danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum⁴⁴.

- Về công tác ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công đến thời điểm này: đến thời điểm này, địa phương đã ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của lĩnh vực việc làm tại Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022; giá sản phẩm, dịch vụ công lĩnh vực trợ giúp xã hội tại Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2023 và ban hành đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp cho 20 nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng tại Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2023; lĩnh vực quản lý, vận hành các tòa nhà/trụ sở cơ quan nhà nước thuộc tỉnh quản lý tại Khu Hành chính của tỉnh Kon Tum tại Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024; lĩnh vực đào tạo cho từng nghề trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng áp dụng trong lĩnh vực GDNN sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum tại Quyết định số 59/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2023; Đơn giá dịch vụ hoạt động quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum tại Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND

³⁶ Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2023 quy định định mức kinh tế - kỹ thuật ngành nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng cho 20 nghề áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

³⁷ Quyết định số 55/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

³⁸ Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

³⁹ Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2022 quy định định mức kinh tế- kỹ thuật áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn tỉnh Kon Tum

⁴⁰ Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁴¹ Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 5 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁴² Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁴³ Quyết định số 69/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁴⁴ Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

ngày 25 tháng 01 năm 2024;

e) Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên thuộc lĩnh vực CCHC lĩnh vực cải cách tài chính công.

- Địa phương đã hoàn thành công tác tham mưu phân bổ, thông báo giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị, địa phương đảm bảo kịp tiến độ theo quy định.

- Triển khai cho các đơn vị, địa phương một số nội dung tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

- Ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tại Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2025.

- Triển khai cho các đơn vị, địa phương thực hiện các Nghị định số: 177/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024⁴⁵; 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024⁴⁶; 179/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025⁴⁷; của Chính phủ và Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2025⁴⁸ của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Triển khai hướng dẫn cho các đơn vị, địa phương chuẩn bị các nội dung sắp xếp, tổ chức bộ máy cấp tỉnh, cấp huyện.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến 100% trung tâm xã và 59,47% hộ gia đình; mạng di động băng rộng (3G, 4G) đã phủ đến 100% trung tâm thôn; mạng 5G đã phủ 99% địa bàn dân cư của thành phố Kon Tum.

- Hệ thống WiFi được các địa phương chú trọng đầu tư lắp đặt tại các khu vực du lịch, nhà rộng phục vụ nhân dân, bộ phận tiếp nhận và kết quả TTHC của Ủy ban nhân dân cấp xã...

b) Kết quả ứng dụng các hệ thống, nền tảng dùng chung

- Duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống phần mềm dùng chung bảo đảm tập trung, thông suốt, đáp ứng yêu cầu điều hành của chính quyền các cấp trên môi trường số: (1) Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành triển khai đến các cơ quan hành chính cấp tỉnh, huyện, xã và thực hiện kết nối với Chính phủ và các bộ, ngành⁴⁹. (2) Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh đã kết nối với Hệ thống thông

⁴⁵ Quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng.

⁴⁶ Về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

⁴⁷ Quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

⁴⁸ Hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

⁴⁹ Hệ thống đã được triển khai đến các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị trực thuộc; 10

tin báo cáo Chính phủ⁵⁰. (3) Hệ thống giao ban trực tuyến của tỉnh đảm bảo kết nối với hệ thống hội nghị truyền của Trung ương và địa phương phục vụ các cuộc họp trực tuyến của tỉnh cũng như của Trung ương với tỉnh⁵¹. (4) Hệ thống phần mềm theo dõi chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của các đơn vị địa phương. (5) Cổng Thông tin điện tử tỉnh duy trì hoạt động ổn định, an toàn thông tin và thực hiện cung cấp thông tin theo đúng quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ. (6) Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh duy trì với hơn 7800 tài khoản phục vụ trao đổi công việc của các cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. (7) Trục kết nối chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) kết nối chia sẻ đến 18/24 các CSDLQG/HTTT từ trung ương đến địa phương thông qua Nền tảng NDXP.

c) Phát huy các ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

- *Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh*: triển khai đến các cơ quan hành chính cấp tỉnh, huyện, xã và thực hiện kết nối với Cổng DVCQG⁵². Triển khai, ứng dụng Zalo để thực hiện tra cứu kết quả giải quyết hồ sơ TTHC (*tra cứu mã hồ sơ, quét mã QR code qua Zalo...*), ứng dụng Hệ thống tự động giải đáp thông tin giải quyết TTHC (Chatbot) cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Cung cấp thông tin chỉ đạo điều hành, các thông tin về kinh tế - xã hội nhanh chóng, hiệu quả.

d) Phát triển dữ liệu số

Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ việc thu thập, tích hợp, chuẩn hóa và chia sẻ dữ liệu để các cơ quan khai thác, sử dụng.

Các cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh được tích cực triển khai⁵³.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc; 102 Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn. Hoàn thành kết nối, liên thông và trao đổi văn bản điện tử với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương khác qua Trục liên thông văn bản quốc gia đáp ứng yêu cầu liên thông văn bản 4 cấp (Trung ương, tỉnh, huyện, xã). Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước của toàn tỉnh hoàn toàn dưới dạng điện tử: 99,48%; Tổng số văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước của tỉnh: 1.391.386 văn bản.

⁵⁰ Thực hiện 8 chỉ tiêu kinh tế - xã hội được cập nhật trên Hệ thống báo cáo của tỉnh và tự động đồng bộ trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ.

⁵¹ Hàng năm phục vụ hàng trăm cuộc họp: Trung ương - tỉnh - huyện - xã; Trung ương - tỉnh; Tỉnh - huyện - xã.

⁵² Tổng số lượng TTHC của tỉnh: 1.767; Số lượng TTHC không xác định là DVCTT: 328 (chiếm 18,6%); Số lượng DVCTT một phần: 340 (chiếm 19,23%); Số lượng DVCTT toàn trình: 1099 (chiếm 62,2%). Tổng số DVCTT một phần được tích hợp lên Cổng DVCQG: 340 (đạt 100%); Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến (nộp trực tuyến: 38,31%; Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác 61,69%).

⁵³ CSDL quốc gia về dân cư (có 549.822 người dân được cấp thẻ Căn cước công dân/Căn cước; đã kích hoạt 275.186 tài khoản định danh điện tử (đạt 75,66% so với tổng hồ sơ tiếp nhận); CSDL quốc gia về bảo hiểm (có 523.599/530.036 (đạt tỷ lệ 98,79%) người tham gia BHXH, BHYT, BHTN được đồng bộ, xác thực với CSDL quốc gia về dân cư và thực hiện kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu của ngành BHXH với các Bộ, ngành, địa phương: Công an, Tư pháp, Lao động, Thương binh và Xã hội, Thuế, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Y tế...); Hệ thống CSDL TN&MT thường xuyên được số hóa và cập nhật đến nay hệ thống được cập nhật hơn 20.000 hồ sơ. Số hóa cập nhật lên Hệ thống CSDL đất đai trên 90.000 hồ sơ; CSDL quốc gia Công chức, viên chức (đã kết nối, đồng bộ dữ liệu 18.479 cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh với Hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ, đạt tỷ lệ 100%); CSDL quốc gia về hộ tịch (đã tiến hành số hóa xong 553.596/625.517 dữ liệu (đạt 88,50%); trong đó đã cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử 553.596 trường hợp); CSDL Giấy phép lái xe: đã rà soát, đối khớp, làm sạch 205.513/216.111 Giấy phép lái xe đã cấp, đạt 95,09%; CSDL người lao động: đã cập nhật 74.389 dữ liệu người lao động vào Cơ sở dữ liệu

Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh đã cập nhật 47 bộ dữ liệu⁵⁴. Có 21 cơ quan, đơn vị cung cấp Dữ liệu mở phục vụ người dân và doanh nghiệp thông qua Cổng dữ liệu mở của tỉnh⁵⁵.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện công tác CCHC. Công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm, đẩy mạnh; việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tiếp tục được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, giải quyết TTHC ngày càng mạnh mẽ, đặc biệt là việc thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, thanh toán trực tuyến trên địa bàn tỉnh luôn đạt kết quả cao theo Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Công tác thẩm định văn bản được chú trọng thực hiện, ý kiến thẩm định có tính phản biện cao... việc kiểm tra, rà soát được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đúng quy định của pháp luật qua đó góp phần quan trọng vào việc hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL của địa phương, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Việc kiểm tra văn bản đã được thực hiện theo đúng kế hoạch được đề ra, bám sát, chú trọng các lĩnh vực về bảo vệ quyền con người, quyền công dân, hoàn thiện thể chế thị trường, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh... Qua kiểm tra đã xử lý kịp thời văn bản có nội dung trái pháp luật, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân, góp phần nâng cao nhận thức của cơ quan ban hành văn bản về tuân thủ quy trình ban hành văn bản, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản.

- Công tác rà soát văn bản đã từng bước được triển khai theo quy định. Các ngành, đơn vị đã chủ động tổ chức rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực,

quốc gia về dân cư; CSDL về Thuế: đã làm sạch 42.488/42.488 dữ liệu thuế sai lệch với thông tin dân cư, đạt 100%. Thực hiện cập nhật dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội là 19.010 đối tượng. Cập nhật thông tin trẻ em và chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu trẻ em trên phần mềm cơ sở dữ liệu trẻ em là 128.135 em, trong đó có 94.971 dữ liệu được xác thực mã định danh. Kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc lĩnh vực Giáo dục với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: Đối với học sinh cấp Trung học phổ thông đạt 99,21%; cấp Trung học cơ sở đạt 97,82%; cấp Tiểu học đạt 99,04%; cấp Mầm non đạt 98,05%.

⁵⁴ Cơ sở hạ tầng (05 bộ dữ liệu); Giáo dục và Đào tạo (06 bộ dữ liệu); Khoa học và Công nghệ (06 bộ dữ liệu); Lao động - Xã hội (05 bộ dữ liệu); Năng lượng (06 bộ dữ liệu); Nông - Lâm - Ngư nghiệp (03 bộ dữ liệu); Tài chính - Doanh nghiệp (03 bộ dữ liệu); Tài nguyên - Môi trường (06 bộ dữ liệu); Thương mại - Dịch vụ (02 bộ dữ liệu); Văn hóa - Thể thao - Du lịch (03 bộ dữ liệu); Y tế - sức khỏe (01 bộ dữ liệu).

⁵⁵ <http://dulieu.kontum.gov.vn> (Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (2); Sở Tài nguyên và Môi trường (13); Sở Tài chính (9); Sở Giáo dục và Đào tạo (7); Sở Khoa học và Công nghệ (6); Sở Giao thông vận tải (5); Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (5); Sở Xây dựng (4); Sở Công thương (3); Sở Kế hoạch và Đầu tư (3); Sở Ngoại vụ (2); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2); Sở Nội vụ (2); Sở Thông tin và Truyền thông (2); Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2); Sở Tư pháp (1); Sở Y tế (1); Thanh tra tỉnh (1); Ban Dân tộc (2); Ban QL Khu kinh tế (1); Huyện IaH'rai (1)).

địa bàn phục vụ nhu cầu quản lý nhà nước hoặc theo đề nghị, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

- Vẫn còn tình trạng hồ sơ giải quyết trễ hạn, quá hạn; vẫn còn có hồ sơ đã trả kết quả thực tế nhưng chậm thao tác kết thúc trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh làm ảnh hưởng đến kết quả theo dõi đánh giá theo thời gian thực.

- Tiến độ soạn thảo, trình ban hành một số văn bản còn chậm so với thời gian đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao; một số cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp thiếu nghiêm túc trong việc xây dựng dự thảo, chuẩn bị hồ sơ dự thảo; một số cơ quan chuyên môn được chủ trì soạn thảo văn bản chưa tiến hành nghiên cứu chính sách của Đảng về vấn đề liên quan, chưa tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội ở địa phương cần phải điều chỉnh bằng pháp luật; chưa tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức hữu quan và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản... Vì vậy, chất lượng dự thảo không cao, phải soạn thảo lại nhiều lần. Công tác rà soát, đối chiếu văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành với văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn tại một số cơ quan chưa được quan tâm thực hiện; do đó, chưa kịp thời tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản để tổ chức thực hiện.

- Việc triển khai kết nối, liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu của một số bộ, ngành còn chậm.

b) Nguyên nhân của hạn chế

- Việc theo dõi, đôn đốc quá trình giải quyết hồ sơ tại một số đơn vị, địa phương vẫn chưa thực sự quyết liệt và chặt chẽ.

- Nhận thức của một số cán bộ, công chức về tầm quan trọng của công tác xây dựng, thẩm định và kiểm tra, xử lý văn bản QPPL còn có những hạn chế nhất định nên việc chỉ đạo chưa sâu, chưa kiên quyết. Một số cơ quan được phân công soạn thảo thiếu chủ động phối hợp với các ngành có liên quan; phần lớn cán bộ, công chức được phân công chủ trì soạn thảo văn bản phải kiêm nhiệm nhiều việc nên hạn chế về trình độ, kỹ thuật lập quy, không đủ lượng thông tin, ít thời gian nghiên cứu thực tế, sưu tập tài liệu, tư liệu phục vụ cho việc soạn thảo nên chất lượng một số văn bản không đạt yêu cầu.

- Khi xây dựng văn bản QPPL còn thiếu rà soát, đối chiếu với quy định của cấp trên, thiếu khâu điều tra, khảo sát, phân tích đánh giá sự tác động của văn bản vào tình hình thực tế cuộc sống.

- Có Bộ, ngành công bố TTHC không có thời gian giải quyết dẫn đến khó khăn cho địa phương trong việc công bố và xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC như: một số TTHC được công bố tại Quyết định số 626/QĐ-BKHĐT ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Khó khăn, vướng mắc trong cung cấp và thực hiện tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến: hiện nay, thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ thì tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC là 60%. Tuy nhiên, để đạt được tỷ lệ này ở địa phương là rất khó do phần lớn hồ sơ TTHC tại địa phương thuộc lĩnh vực chứng thực nhưng các TTHC này không cung cấp được trực tuyến do vướng quy định tại Nghị định của Chính phủ và Quyết định công bố TTHC của Bộ Tư pháp. Cụ thể: theo quy định tại Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định cách thức thực hiện của tất cả các TTHC trong lĩnh vực chứng thực là: *nộp hồ sơ trực tiếp. Người yêu cầu chứng thực phải đến trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền chứng thực để xuất trình hoặc nộp các giấy tờ, tài liệu theo quy định.*

- Các Bộ, ngành đang hoàn thiện, nâng cấp nền tảng, ứng dụng nên chưa triển khai kết nối.

- Là địa phương có tỷ lệ người đồng bào dân tộc thiểu số lớn, đời sống kinh tế của người dân tỉnh Kon Tum, nhất là khu vực nông thôn còn khó khăn... nên việc tiếp cận, ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, do đó việc thực hiện các chỉ tiêu liên quan đến tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, tái sử dụng dữ liệu số hóa,... còn gặp nhiều khó khăn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM TRONG QUÝ II NĂM 2025

1. Thường xuyên rà soát trình công bố đầy đủ danh mục TTHC thực hiện trên địa bàn tỉnh ngay khi có Quyết định công bố TTHC của Bộ, ngành; cập nhật, công khai TTHC kịp thời trên Cơ sở dữ liệu quốc gia TTHC và tại nơi tiếp nhận giải quyết TTHC.

2. Tiếp tục tham mưu tổ chức thực hiện hiệu quả việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ đã được giao tại Kế hoạch số 1613/KH-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tiếp tục tham mưu công tác rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trên địa bàn tỉnh.

4. Tham mưu ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025.

5. Tiếp tục theo dõi, tham mưu công tác giải quyết TTHC trong giai đoạn sắp xếp tổ chức bộ máy.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI TRUNG ƯƠNG

- Đề nghị các bộ ngành Trung ương khi công bố TTHC gửi cho địa phương 01 bản thông qua trực liên thông văn bản quốc gia, đồng thời công khai

kịp thời trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC để tạo thuận lợi cho địa phương trong việc thực hiện công bố, công khai nội dung thực hiện.

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét hướng dẫn cho địa phương trong việc thực hiện đảm bảo tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 60% trên tổng số hồ sơ giải quyết TTHC, trong trường hợp các TTHC lĩnh vực chứng thực không đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum báo cáo Bộ Nội vụ xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đ/b);
- Các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- Thành viên BCĐ CCHC tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Sở Nội vụ;
- VP UBND tỉnh: CVP;
- Lưu: VT, TTPVHCC, NC_{TTHG}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Tuấn